

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **276/2021/HC-PT**

Ngày: 09-12-2021

V/v: Khiếu kiện quyết định thu hồi đất,  
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết  
định giải quyết khiếu nại

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Thanh Liêm

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Tụ

Ông Võ Ngọc Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Nhật – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 148/2021/TLPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 551/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Phương H; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Bà Vũ Thị A, sinh năm 1980; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

**\* Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Phi H; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Vũ Thị A, sinh năm 1980; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

2. Công ty cổ phần tập đoàn H; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Minh H; địa chỉ: Ban quản lý dự án Khu đô thị H, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền số 07/GUQ- HT/2020 ngày 28/02/2020), vắng mặt

3. Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Ngày 03/3/2006 vợ chồng ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H nhận chuyển nhượng của ông Phạm Đình K và bà Tống Thị H thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5 tại thôn C, xã C, thị xã C, tỉnh Khánh Hòa với diện tích 3.000m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã C chứng thực số 56 ngày 14/4/2006. Ngày 18/5/2006, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã C chính lý người sử dụng đất là ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H, thường trú tại tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, khi thu hồi thửa đất này, UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C lại xác định thửa đất này là đất vắng chủ, xác lập hồ sơ địa chính là thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo dự án Khu đô thị H tại thôn C, xã C và ban hành các quyết định trái pháp luật là Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 về việc thu hồi thửa đất số 341; Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất số 341; Quyết định giải quyết khiếu nại số 375/QĐ-UBND ngày 26/3/2019, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản của ông H, bà H. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 về việc thu hồi thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo dự án Khu đô thị H tại thôn C, xã C và Quyết định số 2876/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, bồi thường 22 thửa đất vắng chủ trong đó có thửa đất số 341 (thửa số 171, tờ bản đồ số 5, thôn C, xã C) của ông H, bà H là không có cơ sở, trái pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật đất đai năm 2003, khoản 2 Điều 28 Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ, điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định 02/2006/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 1 Điều 73 Luật đất đai năm 2013, Điều 16 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Theo Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 23/10/2012 của

UBND tỉnh Khánh Hòa, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu đô thị H tại các lô D16, D17, khu 5, khu du lịch Bắc bán đảo C thì dự án này là dự án “Khu đô thị cao cấp kết hợp dịch vụ tổng hợp và dịch vụ thương mại”, các hạng mục công trình dự kiến xây dựng là các trung tâm thương mại, thương mại kết hợp dịch vụ, biệt thự kiểu hiện đại, biệt thự kiểu Ý, Nga, Pháp, Tây Ban Nha, Mỹ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc. Đây là dự án kinh doanh bất động sản của Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc H, vì mục đích lợi nhuận, vốn đầu tư, kinh phí bồi thường, hỗ trợ chủ đầu tư chi trả trực tiếp, không phải là dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nên không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 38, Điều 39 Luật đất đai năm 2003, khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ, điểm 2 Mục X Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT; Điều 61, Điều 62 Luật đất đai năm 2013 mà dự án này thuộc trường hợp doanh nghiệp sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất và được điều chỉnh bởi các quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật đất đai năm 2003, khoản 2 Điều 28 Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ, điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định 02/2006/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 1 Điều 73 Luật đất đai năm 2013, Điều 16 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, chủ đầu tư và người sử dụng đất thỏa thuận theo hình thức chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Thứ hai, UBND huyện C biết thừa đất số 341, tờ bản đồ trích đo dự án Khu đô thị H tương ứng thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, nhưng trong suốt quá trình giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất, UBND huyện C không gửi cho ông H, bà H bất cứ thông báo, quyết định nào có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 52 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; khoản 1 Điều 67; điểm a khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013, quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất. Vào năm 2011, bà H biết thông tin thửa đất của mình trong diện thu hồi thực hiện dự án của Công ty H, bà H đã sao chứng thực tại UBND phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) của thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, thôn C, xã C, diện tích 3.000m<sup>2</sup> và nộp một bản sao cho UBND xã C để lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Đầu năm 2017, biết thửa đất của mình bị thu hồi, giải tỏa san lấp mặt bằng, bà H đã đến UBND xã C yêu cầu cung cấp thông tin về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất thì Ủy ban không cung cấp với lý do bà H không có Giấy chứng nhận gốc nên Ủy ban không cung cấp thông tin và yêu cầu bà H làm thủ tục trình báo mất để được Ủy ban kiểm tra xem xét và bà H đã làm đơn trình báo mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 20 tháng 3 năm 2017 theo hướng dẫn của ông V cán bộ địa chính xã C để được xem xét về quyền sử dụng đất có phải của bà H không, tại biên bản bàn giao hồ sơ ngày 16/11/2018 Ủy ban huyện C cung cấp tài liệu có biên bản làm việc kèm theo thể hiện tại Thông báo số 61/TB-UBND ngày

06/4/2016 của UBND huyện C về việc thu hồi đất và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất vắng chủ thuộc dự án Khu đô thị H (Khu đô thị G), xã C, huyện C, thể hiện thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo của dự án Khu đô thị H tương ứng với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5 và ngày 15/3/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện C về việc thu hồi 3.000m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo dự án Khu đô thị H, tương ứng thửa số 171, tờ bản đồ số 5 do ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H, thường trú tại tỉnh Đắk Lắk sử dụng (trước đây thuộc trường hợp thửa đất vắng chủ); Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc điều chỉnh phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị H, xã C; trong đó, bồi thường, hỗ trợ hộ ông Nguyễn Phi H (Nguyễn Thị Phương H) với số tiền là 434.313.088 đồng và đủ điều kiện giao 01 lô đất tái định cư. Do GCNQSDĐ bị thất lạc và được ông V, cán bộ địa chính xã hướng dẫn, đến ngày 20/3/2017 bà H có đơn trình báo việc mất GCNQSDĐ gửi UBND xã làm thủ tục niêm yết, thông báo để làm lại GCNQSDĐ và UBND xã C đã hoàn tất việc niêm yết, thông báo vào ngày 18/4/2017. Mặt khác, trong quá trình thanh tra việc giao đất tái định cư cho hộ ông H, bà H, Thanh tra UBND huyện C đã “kiểm tra, sao lục hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và xác định GCNQSDĐ số AB 355222, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.000m<sup>2</sup> đất UBND thị xã C cấp ngày 25/10/2005 không có 100m<sup>2</sup> đất ở. Vì vậy, hộ gia đình ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H không đủ điều kiện để giao đất tái định cư theo quy định”.

Như vậy, hồ sơ địa chính tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện C có đầy đủ thông tin về thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5 và thông tin về người sử dụng đất là ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H. UBND huyện C là cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai nên phải biết rõ các thông tin về thửa đất, người sử dụng đất và thực tế UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 61/TB-UBND ngày 06/4/2016, Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 15/3/2017, Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 nêu trên với đầy đủ các thông tin về thửa đất, người sử dụng đất. Tuy nhiên, trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2017, UBND huyện C đã không gửi cho ông H, bà H bất cứ thông báo nào liên quan đến việc thu hồi đất, quyết định thu hồi đất, thông báo về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về việc kiểm kê tài sản, hoa màu, vật kiến trúc trên đất mà chỉ đến khi ông H, bà H khiếu nại yêu cầu cung cấp tài liệu thì ngày 16/11/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C mới cung cấp cho ông H, bà H một số tài liệu có liên quan (bản sao các thông báo, quyết định, biên bản kiểm kê cây cối, hoa màu, vật kiến trúc).

Thứ ba, việc các cơ quan chức năng và UBND huyện C xác lập, sử dụng bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính đối với thửa đất số hiệu 341, tờ bản đồ trích đo dự án Khu đô thị H nhưng không ghi chú thích số thửa đất tương ứng, tên người sử dụng đất (thửa số 171, tờ bản đồ số 5, thôn C, xã C của ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H), là trái pháp luật quy định tại Điều 50 Nghị

định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Khi ban hành các văn bản, các thông báo để giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất, UBND huyện C chỉ sử dụng số hiệu thửa đất 341, tờ bản đồ trích đo dự án Khu đô thị H (trừ Thông báo số 61/TB-UBND ngày 06/4/2016) mà không ghi chú thích số hiệu thửa đất tương ứng, họ tên, địa chỉ của người sử dụng đất dẫn đến quá trình niêm yết, thông báo, các hộ dân nói chung, hộ ông H, bà H nói riêng không thể biết đó là thửa đất của mình bị thu hồi để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, trong suốt quá trình giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thu hồi đất, UBND huyện C đã xác định thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo của dự án Khu đô thị H (thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, thôn C, xã C, diện tích 3000m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm của ông H, bà H), thuộc diện vắng chủ là trái pháp luật quy định tại Mục II Thông tư số 201-BXD/TT ngày 23/6/1978 của Bộ Xây dựng. Theo quy định tại điểm e Điều 6 Luật đất đai năm 2003, khoản 7 Điều 22 Luật đất đai năm 2013 thì UBND huyện C là cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai, có trách nhiệm đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nên phải biết và nắm rõ bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính các thửa đất thuộc địa bàn quản lý. Thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, thôn C, xã C, diện tích 3000m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm của ông H, bà H đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã C ngày 18/5/2006. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã C đã chỉnh lý, ghi chi tiết các thông tin về họ tên, số chứng minh nhân dân, số hộ khẩu, địa chỉ thường trú của người sử dụng đất là ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H, nhưng UBND huyện C lại xác định thửa đất này vắng chủ là không có cơ sở, trái quy định của pháp luật.

Thứ năm, việc UBND huyện C tiến hành cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất và bàn giao mặt bằng cho Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc H thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo của dự án Khu đô thị H, diện tích 3.000m<sup>2</sup> của ông H, bà H ngày 24/5/2016 là trái pháp luật quy định tại Điều 53, khoản 2 Điều 70, khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013. Trong quá trình giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất, UBND huyện C đã không gửi cho ông H, bà H và không thực hiện đúng việc niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các thông báo, quyết định có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo của dự án Khu đô thị H theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn tiến hành cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất và bàn giao mặt bằng cho Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc H thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo dự án Khu đô thị H của ông H, bà H ngày 24/5/2016 là không có căn cứ, trái quy định của pháp luật.

Thứ sáu, ngày 15/3/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện C về việc thu hồi 3.000m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo dự án Khu đô thị H, tương ứng thửa số 171, tờ bản đồ số 5 do ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H, thường trú tại 229 Phan Bội Châu, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk sử dụng (trước đây thuộc trường hợp thửa đất vắng chủ); Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 về việc điều chỉnh phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị H, xã C; trong đó, bồi thường, hỗ trợ hộ ông Nguyễn Phi H với số tiền là 434.313.088 đồng và đủ điều kiện giao 01 lô đất tái định cư, nhưng không giao cho ông H, bà H các quyết định này là trái pháp luật quy định tại điểm b khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013. Đầu năm 2017, biết thửa đất của mình bị thu hồi, giải tỏa san lấp mặt bằng, bà H đã đến UBND xã C yêu cầu cung cấp thông tin về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất thì ngày 15/3/2017, UBND huyện C ban hành các Quyết định số 418/QĐ-UBND, số 407/QĐ-UBND nêu trên nhưng không giao cho ông H, bà H các quyết định này. Do GCNQSDĐ bị thất lạc và được ông V, cán bộ địa chính xã hướng dẫn, cùng ngày 20/3/2017 bà H có đơn trình báo việc mất Giấy CNQSDĐ gửi UBND xã làm thủ tục niêm yết, thông báo để làm lại Giấy CNQSDĐ và UBND xã C đã hoàn tất việc niêm yết, thông báo vào ngày 18/4/2017. Do thửa đất đã bị thu hồi san lấp mặt bằng và ông V cán bộ địa chính xã cùng đại diện Công ty H nhiều lần động viên nhận tiền bồi thường, nhận đất tái định cư và ký thủ tục bàn giao mặt bằng, không còn lựa chọn nào khác bà H buộc phải đồng ý nhận tiền và bóc thăm nhận đất tái định cư, ký biên bản bàn giao mặt bằng mà không nhận được bất cứ văn bản nào liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất của UBND huyện C.

Thứ bảy, việc các cơ quan chuyên môn của UBND huyện C tạo lập hồ sơ địa chính ông H, bà H có 100m<sup>2</sup> đất ở, lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để ông H, bà H tin tưởng mình được bố trí tái định cư và đồng ý nhận tiền bồi thường, bóc thăm nhận đất tái định cư, ký biên bản bàn giao mặt bằng. Nhưng ngày 04/9/2018, UBND huyện C lại ban hành Quyết định số 2014/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND huyện C, điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp ông H, bà H và Quyết định số 2015/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND huyện C đối với diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở nông thôn thành đất trồng cây lâu năm. Ngày 27/9/2018, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2091/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của UBND huyện C về việc giao đất tái định cư cho hộ ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H. Việc giả mạo tài liệu hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nêu trên nhằm tạo niềm tin được nhận đất tái định cư để ông H bà H nhận tiền, nhận đất tái định cư rồi thu hồi, hủy bỏ là thủ đoạn trái pháp luật, trái đạo đức xã hội. Hồ sơ giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoàn toàn do các cơ quan chuyên môn của

UBND huyện C xác lập, hồ sơ địa chính thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5 của ông H, bà H thì do Văn phòng đăng ký đất đai huyện C quản lý nên không thể có việc cán bộ tham mưu kiểm tra không kỹ dẫn đến sai sót mà ở đây là sự cố ý sửa chữa tài liệu, thêm nội dung 100m<sup>2</sup> đất ở nông thôn trong bản photo GCNQSDĐ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5. Về GCNQSDĐ của thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, bà H chỉ nộp duy nhất một bản sao do UBND phường Thắng Lợi chứng thực, cho UBND xã C từ năm 2011. Mặt khác, quá trình UBND huyện C lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ tái định cư bà H không hề biết mà chỉ nhận GCNQSDĐ từ ông Chương, cán bộ Trung tâm quỹ đất huyện C. Về việc giả mạo tài liệu này bà H đã có đơn đề nghị UBND huyện C chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết, nhưng không được UBND huyện C chấp nhận, vì cho rằng không có cơ sở.

Thứ tám, việc UBND huyện C lập thủ tục bà Nguyễn Thị Phương H bàn giao mặt bằng thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo của dự án Khu đô thị H (Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 18/01/2018) là không có cơ sở, không có giá trị pháp lý. Thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo của dự án Khu đô thị H (Thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, thôn C, xã C, diện tích 3000m<sup>2</sup> của ông H, bà H) được UBND huyện C bàn giao mặt bằng cho Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc H từ ngày 24/5/2016, đã được san ủi mặt bằng, phân lô chia nền bán ngay sau đó. Vậy ông H, bà H lấy đâu ra đất để bàn giao cho UBND huyện C vào ngày 18/01/2018. Mặt khác, biên bản này chỉ được ký giữa đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất (bà Lê Thị Thu Thùy) và bà H tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C, không có đại diện của UBND xã C và các thành phần khác có liên quan tham gia. Thực chất biên bản bàn giao mặt bằng này lập không hoàn toàn về nội dung, không phù hợp quy định của pháp luật về hình thức nên không có giá trị pháp lý.

Như vậy, quá trình giải quyết bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất của ông H, bà H, UBND huyện C đã không thực hiện đúng trình tự, thủ tục, áp dụng không đúng các quy định của pháp luật về thu hồi đất, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà H về tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, diện tích 3000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tại thôn C, xã C. Chúng tôi luôn ủng hộ chủ trương, việc thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước. Tuy nhiên, dự án Khu đô thị H (Khu đô thị G) thực chất là dự án kinh doanh bất động sản, doanh nghiệp này chỉ phân lô chia nền bán đất thu lợi nhuận. Ngay từ lúc mới triển khai dự án, khi UBND huyện C mới triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, doanh nghiệp này đã rao đất của dân, rao bán đất nền, việc này đã được nhân dân phản ánh trong cuộc họp dân ngày 05/5/2013 và cho đến nay doanh nghiệp này cũng chỉ làm được đúng một việc là nhận bàn giao mặt bằng từ UBND huyện C để làm một số hạng mục hạ tầng phục vụ việc phân lô chia nền và bán đất nền. Tôi thấy rằng, dù là mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, vì lợi ích công cộng hay lợi ích doanh nghiệp thì việc thu hồi đất, giải tỏa đền bù cũng phải thực hiện đúng

quy định của pháp luật, bảo đảm lợi ích chung cũng như quyền lợi hợp pháp của người dân. Do vậy, ngày 17/12/2018 ông H, bà H đã có đơn khiếu nại UBND huyện C về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, diện tích 3000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tại thôn C, xã C của gia đình tôi. Ngày 26/3/2019, UBND huyện C đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 375/QĐ-UBND, bác nội dung khiếu nại của ông H, bà H nhưng không đưa ra được lý giải về các sai phạm của UBND huyện C trong quá trình giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thu hồi đất như đã nêu ở trên. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa căn cứ các quy định của pháp luật và khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, hủy Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 22/12/2015, Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện C, Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện C, khôi phục lại tình trạng ban đầu của thửa đất. Dự án của công ty H là dự án kinh doanh, việc bồi thường phải dựa trên cơ sở thoả thuận giữa công ty H với ông H, bà H, nhưng UBND huyện C lại tự đứng ra thoả thuận, lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư là trái pháp luật.

*\* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện. Đây là dự án do Nhà nước thu hồi đất. UBND huyện C đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. UBND và Chủ tịch UBND huyện C giữ nguyên quan điểm giải quyết liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp ông H, bà H như nội dung tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 375/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện C.

*\* Tại bản tự khai ngày 02/4/2020, quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tập đoàn H trình bày:*

Khu đô thị H (Khu đô thị G) tại lô D16 và D17 thuộc khu du lịch Bắc bán đảo C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa quyết định chủ trương giao Công ty cổ phần tập đoàn H (tên cũ: Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc H) làm chủ đầu tư theo Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu đô thị H (Khu đô thị G) lô D16 và D17 thuộc khu 5 - Khu du lịch Bắc bán đảo C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Dự án đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu đô thị H (khu đô thị G) tại các lô D26, D17, Khu 5, Khu du lịch Bắc bán đảo C ngày 23/10/2012 và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu đô thị H (Khu đô thị G) tại các lô D16, D17, Khu 5, Khu du lịch Bắc bán đảo C theo Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 13/11/2017. Đối với yêu cầu khởi kiện



của bà Nguyễn Thị Phương H, Công ty đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chủ đầu tư dự án.

*Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã C trình bày:* UBND xã C thống nhất với ý kiến của UBND huyện C.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H trình bày:* Ông H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2020/HC-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:**

Áp dụng Điều 62, Điều 69 Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 21 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa; khoản 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện C về việc thu hồi thửa đất số 341, tờ trích đo dự án Khu đô thị H tại thôn C, xã C để thực hiện dự án Khu đô thị H; Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị H (Khu đô thị G) tại xã C, huyện C (đợt 8); Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2020, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương H do bà Vũ Thị A đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa tại đơn xin xét xử vắng mặt không thể hiện việc thay đổi hay hủy bỏ Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 và Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện C và Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện C. Bà Vũ Thị A là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm hủy các quyết định nói trên của UBND và Chủ tịch UBND huyện C, khôi phục lại quyền sử dụng 3000m<sup>2</sup> đất cho gia đình bà H; buộc UBND huyện C bồi thường thiệt hại do việc giải tỏa mặt bằng, cưỡng chế thu hồi đất gây ra đối với cây cối, hoa màu và tài sản gắn liền trên đất cho

gia đình bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự. Xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về phần nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB355222 ngày 25/10/2015 của UBND thị xã C, tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông Phạm Đình K và bà Tống Thị H thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5 (tương ứng với thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo của dự án Khu đô thị H) tại thôn C, xã C, thị xã C, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 3.000m<sup>2</sup>; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm 2960m<sup>2</sup>, đất giao thông 40m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng đất đến tháng 02/2048. Ngày 30/3/2006, ông Phạm Đình K và bà Tống Thị H lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H được UBND xã C chứng thực ngày 14/4/2006 đã được chỉnh lý tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/5/2006.

[2.2] Về việc thu hồi, bồi thường: Ngày 23/10/2012, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2632/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Khu đô thị H (Khu đô thị G) tại các lô D16 và D17, Khu 5, Khu du lịch Bắc bán đảo C. Ngày 28/11/2012, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1815/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị H tại xã C. Ngày 24/12/2012, UBND huyện C ban hành Thông báo số 446/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị H tại xã C. Ngày 02/4/2013, UBND huyện C ban hành Thông báo số 87/TB-UBND về việc kiểm kê giải tỏa mặt bằng dự án Khu đô thị H tại xã C. Ngày 05/4/2013, UBND huyện C tổ chức họp dân để công bố dự án và chủ trương thu hồi đất. Ngày 08/5/2013, UBND huyện C ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác kiểm kê và bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất vắng chủ để thực hiện dự án Khu đô thị H tại xã C. Ngày 10/12/2014, Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Nghị quyết số 13/NQ-HĐND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi

ích quốc gia, công cộng trong năm 2015 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, trong đó có dự án Khu đô thị H. Ngày 01/4/2015, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Công văn số 1907/UBND-XDND về chủ trương thực hiện việc kiểm đếm trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất vắng chủ. Ngày 18/9/2015, Tổ công tác đã lập biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa vắng chủ đối với thửa đất 341. Ngày 22/12/2015, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2911/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 341, tờ trích đo dự án Khu đô thị H tại thôn C, xã C để thực hiện dự án Khu đô thị H. Cùng ngày 22/12/2015, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2876/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị H (Khu đô thị G) tại xã C, huyện C (đợt 8). Theo đó, hộ ông H và bà H được bồi thường 239.313.088 đồng, cụ thể: bồi thường về đất trồng cây lâu năm trong khu vực dân cư với tổng diện tích 3000m<sup>2</sup> với số tiền 204.000.000 đồng trong đó bồi thường 2.000m<sup>2</sup> mức giá 87.000đồng/m<sup>2</sup> và 1000m<sup>2</sup> với mức giá 30.000 đồng/m<sup>2</sup>. Bồi thường về công trình trên đất gồm 27 trụ bê tông cốt thép, 04 giếng khoan đường kính 90cm với tổng số tiền 12.581.088 đồng. Bồi thường cây trồng trên đất bao gồm: Đào cao sản loại A 30 cây, loại B 15 cây, loại C 06 cây; Keo loại B 07 cây, loại C 05 cây và 11 cây trồng từ 01 đến 03 năm với tổng số tiền 22.732.000 đồng. Ngày 20/02/2017, UBND xã C có Giấy xác nhận số 09/GXN-UBND với nội dung: Bà Nguyễn Thị Phương H và ông Nguyễn Phi H là chủ sử dụng thửa đất số 341, tờ bản đồ trích đo dự án Khu đô thị H, diện tích 3000m<sup>2</sup>, tương ứng với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 2.900m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Ngày 28/02/2017, UBND xã C có Báo cáo số 17/BC-UBND về tình trạng nhà ở, đất ở đối với trường hợp hộ ông Nguyễn Phi H, xác định hiện tại hộ ông H, bà H không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã sau khi thu hồi đất, giải tỏa mặt bằng dự án Khu đô thị H. Trên cơ sở đó, ngày 15/3/2017 UBND huyện C ban hành Quyết định số 418/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND huyện C; theo đó xác định diện tích đất thu hồi 3.000m<sup>2</sup>, trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 2.900m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Ngày 13/7/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1046/QĐ-UBND về việc điều chỉnh phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông H và bà H; theo đó hộ ông H và bà H được bồi thường 260.313.088 đồng. Trong đó, bồi thường về đất là 225.000.000 đồng (100m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 2.900m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm); bồi thường vật kiến trúc và cây trồng trên đất 35.313.088 đồng và tiền hỗ trợ 60.000 đồng/m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm với số tiền 174.000.000 đồng. Ngày 18/01/2018, bà H ký giấy nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với số tiền 434.313.088 đồng. Ngày 29/01/2018, UBND huyện C ban hành Quyết định số 336/QĐ-UBND về việc giao đất cho ông H và bà H để sử dụng vào mục đích đất ở nông thôn tại xã C với diện tích 202,9m<sup>2</sup>. Ngày 22/8/2018, Thanh tra huyện C có Công văn số 130/BC-UBND báo cáo về hồ sơ bồi thường của hộ ông H. Ngày 04/9/2018, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2015/QĐ-UBND về việc điều chỉnh

nội dung tại Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND huyện C xác định thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5 diện tích 3.000m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm. Cùng ngày 04/9/2018, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2014/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND huyện C (điều chỉnh trường hợp ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H); điều chỉnh số tiền bồi thường, hỗ trợ từ 434.313.088 đồng xuống còn 419.313.088 đồng và hủy phương án tái định cư đối với trường hợp của ông H, bà H. Ngày 27/9/2018, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2091/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 của UBND huyện C về việc giao đất tái định cư cho hộ ông H và bà H để sử dụng vào mục đích đất ở nông thôn tại xã C. Ngày 17/12/2018, ông H, bà H làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện C. Ngày 26/3/2019, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 375/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H, bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của ông H, bà H; giữ nguyên Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 04/9/2018, Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 04/9/2018, Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND huyện C.

[3] Từ những chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy: Dự án Khu đô thị H là dự án do Nhà nước thu hồi đất nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội đã được thể hiện tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Việc UBND huyện C ban hành Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 và Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 22/12/2015; Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 là đúng theo quy định tại Điều 62, Điều 69 Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 và Văn bản số 4173/UBND-XDND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Do đó, bản án hành chính sơ thẩm của TAND tỉnh Khánh Hòa tuyên xử bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H về việc yêu cầu hủy các quyết định nói trên của UBND và Chủ tịch UBND huyện C là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ gì mới nên bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 62, Điều 69 Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 21 Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa; khoản 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện C về việc thu hồi thửa đất số 341, tờ trích đo dự án Khu đô thị H tại thôn C, xã C để thực hiện dự án Khu đô thị H; Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị H (Khu đô thị G) tại xã C, huyện C (đợt 8); Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Phi H và bà Nguyễn Thị Phương H, địa chỉ: số 54 Trần Phú, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột (lần đầu).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ 600.000 đồng bà H đã nộp tại các Biên lai thu tiền số 0000897 ngày 23/5/2019 và số 0001327 ngày 02/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT III);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Thanh Liêm**